

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HSST  
Ngày 25 - 4 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quản Hữu Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bắc Hải, ông Cầm Văn Chinh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Như Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/HSST-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Hữu A**, sinh ngày 11/10/1990; Nơi ĐKKHKT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 04/2/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt tiền 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); Ngày 04/9/2020 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong ngày 08/9/2020); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn S**, sinh ngày 12/10/1981; Nơi ĐKKHKT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt tiền 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**3. Hà Ngọc L**, sinh ngày 14/11/1989; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 20/10/2020 bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Nhân thân: Ngày 05/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; Ngày 19/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**4. Trần Hữu T**, sinh 05/01/1989; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**5. Vũ Thị H**, sinh ngày 06/2/1969; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/11/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Ngày 30/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**6. Nguyễn Hữu T1**, sinh ngày 29/8/1992; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**7. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 03/4/1986; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 26/7/2012 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt vi phạm hành chính 1.5000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 31/7/2012; Ngày 30/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp

tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**8. Ngô Xuân Tr**, sinh ngày 10/5/1984; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**9. Nguyễn Đình C**, sinh ngày 03/8/1982; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 01/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); Ngày 14/3/2019 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**10. Lê Thị Th**, sinh ngày 25/11/1969; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Ngày 21/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc; Ngày 29/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt cải tạo không giam giữ 03 năm về tội đánh bạc (đều đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**11. Chu Trung K**, sinh ngày 17/3/1984; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**12. Trần Đình Th1**, sinh ngày 30/8/1979; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 20/6/2014 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại

ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**13. Đỗ Văn T2**, sinh ngày 18/8/1989; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**14. Vương Quốc L2**, sinh ngày 04/4/1991; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 26/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung);

Nhân thân: Ngày 27/01/2016 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc (đã chấp hành xong vào ngày 02/02/2016); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**15. Lê Văn Th2**, sinh ngày 02/4/1986; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**16. Chu Thế Anh T3**, sinh ngày 27/8/1985; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 08/12/2005 bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; Ngày 14/9/2011 bị Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**17. Nguyễn Thái D**, sinh ngày 05/3/1989; Nơi ĐKHKTT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 04/9/2020 bị Công an huyện Sông Mã xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ

ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**18. Trần Thị H1**, sinh ngày 30/3/1975; Nơi ĐKKHKT: A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: B và bà C; Có vợ là Dg và có 02 con; Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 26/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc;

Nhân thân: Ngày 30/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* Người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị Th4, sinh năm 1974, nơi cư trú: Bản B. Có mặt.
2. Ông Nguyễn Việt Th5, sinh năm 1986, nơi cư trú: bản B. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản B. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S sinh năm 1981 trú tại Bản A thuê nhà tại địa chỉ thuộc Tổ dân phố 8 (Nay là tổ dân phố 2), thị trấn B của ông Nguyễn Thanh Chí (sinh năm 1972 trú tại Tổ 3, thị trấn B) với mục đích để ở. Ngày 09/10/2021 Nguyễn Hữu A đến nhà S chơi, trong lúc nói chuyện A và S bàn bạc thỏa thuận lấy địa điểm là nhà của S đã thuê để tổ chức cho các con bạc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền và sẽ thu tiền "phế" đối với mỗi con bạc là 300.000 đồng/người. S đã đồng ý để A rủ rê lôi kéo, tụ tập người khác tham gia đánh bạc và thu tiền phế của những người chơi (thu phí của người vào chiếu bạc chơi) để chia nhau.

Theo thỏa thuận, khoảng từ 12 giờ ngày 13/10/2021, Nguyễn Hữu A đến căn nhà của Nguyễn Văn S đã thuê tại tổ dân phố 2, thị trấn B. A gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn H, Chu Trung K, Ngô Xuân Tr, Vũ Thị H, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Nguyễn Hữu T1, Hà Ngọc L (hiện đều đang cư trú và tạm trú tại huyện Sông Mã) đến nhà S đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa cá cược thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Chu Thế Anh T3, Trần Hữu T, Nguyễn Đình C, Lê Văn Th2, Lê Thị Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 và những người khác tự đi đến nhà S (những người này cũng đều đang tạm trú và cư trú tại huyện Sông Mã).

Khi 16 bị cáo có mặt tại nhà S thì A lấy bát đĩa và máy cắt quân vị tại nhà S rồi dùng vỏ bao thuốc lá Thăng Long cắt 04 quân vị để đánh bạc.

Sau đó Chu Thế Anh T3, Đỗ Văn T2 và Trần Hữu T lần lượt thay nhau

cầm cái xúc đĩa cho mọi người ngồi đánh bạc bằng hình thức cho 4 quân vị vào đĩa úp bát lại để xúc cái, những người đánh bạc đặt tiền cá cược vào các cửa chẵn và cửa lẻ trên chiếu bạc sau đó người cầm cái mở bát nếu 3 mặt quân vị trắng hoặc vàng thì người đặt tiền cửa lẻ thắng còn người đặt tiền cửa chẵn thua hết số tiền đã đặt cửa, nếu cái mở bát mà quân vị 2 mặt trắng hoặc 2 mặt vàng thì cửa chẵn thắng còn người đặt cửa lẻ thua hết số tiền đã đặt cửa. Ngoài ra nếu có người đánh bằng vị thì khi người cầm cái mở bát có 3 mặt quân vị cùng màu thì người chơi ăn gấp 3 lần số tiền đã đặt cược, nếu 4 mặt cùng màu thì người chơi ăn gấp 9 lần số tiền đã đặt cược.

Các bị cáo đã sử dụng số tiền để cá cược như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hữu A đã dùng số tiền 1.000.000 đồng thu phé để đánh bạc, Trần Hữu T có 1.000.000 đồng, Lê Thị Th có 200.000 đồng, Vũ Thị H có 1.500.000 đồng, Nguyễn Hữu T1 có 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn H có 200.000 đồng, Ngô Xuân Tr có 1.500.000 đồng, Nguyễn Đình C có 3.500.000 đồng, Trần Thị H1 có 500.000 đồng, Trần Đình Th1 có 1.600.000 đồng, Lê Văn Th2 có 300.000 đồng, Đỗ Văn T2 có 2.000.000 đồng, Vương Quốc L2 có 1.500.000 đồng, Chu Thế Anh T3 có 2.700.000 đồng, Hà Ngọc L có 2.800.000 đồng, Nguyễn Thái D có 600.000 đồng, Chu Trung K có 200.000 đồng.

Nguyễn Hữu A đã trực tiếp thu phé của Chu Thế Anh T3, Đỗ Văn T2, Trần Đình Th1, Vũ Thị H, Hà Ngọc L, Lê Văn Th2, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr và Vương Quốc L2 được tổng số tiền là 3.000.000đ, A bỏ vào hòm sắt 2.000.000đ, còn 1.000.000đ A dùng để đánh bạc cùng các bị cáo khác.

Riêng Hà Ngọc L ngoài việc tham gia đặt cửa cá cược chẵn lẻ với các bị cáo khác trên chiếu bạc Lê còn làm bằng vị để cá cược riêng với Lê Văn Th2 2 lần với tổng số tiền là 100.000 đồng.

Đến 17 giờ 00 phút, cùng ngày khi Nguyễn Hữu A, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Thành, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị tổ công tác của Phòng C sát hình sự Công an tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang, lúc đó Nguyễn Văn S cũng có mặt tại nhà.

\* Vật chứng tạm thu giữ:

- 23.100.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong đó thu trên chiếu bạc số tiền 2.300.000 đồng, thu trong hòm sắt số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền 18.800.000 đồng thu trong người các bị cáo.

- 04 (bốn) quân vị hình tròn, đường kính 2cm, một mặt màu vàng, 1 mặt màu trắng, thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc.

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 18cm, phần đáy đĩa có in chữ DUNG NHAT màu xanh, thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc.

- 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, đường kính miệng bát 12cm, phần đáy bát có in chữ DUNG NHAT màu xanh, bát đã qua sử dụng bị nứt, vỡ.

- 01 (một) chiếc bấm cắt giấy màu cam làm bằng kim loại và nhựa, khuôn cắt hình tròn đường kính 2cm, thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc.

- 01 (một) tờ giấy kích thước 25 x 40cm, một mặt có in bảng vị nhiều màu sắc, thu giữ trên chiếu bạc.

Ngoài ra còn thu giữ một số vật dụng có liên quan khác. Hiện vật chứng và tài sản tạm thu giữ đang được tạm giữ tại kho vật chứng để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 16/CT-VKS-P2 ngày 14/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A và đồng phạm về tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321; điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

**\* Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Tổ chức đánh bạc.

+ Tuyên bố các bị cáo Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Thành, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 phạm tội Đánh bạc.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c, khoản 1 Điều 322, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321, điểm a, c, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu A.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Đỗ Văn T2, Nguyễn Thái D, Chu Trung K, Lê Văn Th2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đình Th1, Chu Thế Anh T3.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình C.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17,

Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Th.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị H, Hà Ngọc L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A từ 12 đến 16 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; 6 đến 9 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải chấp hành là 18 đến 25 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 đến 16 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1, Lê Thị Th, Vũ Thị H, Hà Ngọc L 6 đến 9 tháng tù về tội Đánh bạc

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Đỗ Văn T2, Nguyễn Thái D, Chu Trung K, Lê Văn Th2, Trần Đình Th1, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình C từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng, án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất và hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Ngày 13/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn S đã sử dụng địa điểm là nhà ở thuộc quyền quản lý của mình ở tổ dân phố 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã để cho bị cáo Nguyễn Hữu A gọi điện thoại rủ 16 bị cáo gồm Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 đến địa điểm là nhà của S để cùng nhau chơi xóc đĩa cá cược được thua bằng tiền với mục đích thu phé



là 300.000đ/1 người. S và A đã cho 16 bị cáo có tên trên chơi xóc đĩa cá cược với tổng số tiền cá cược là 23.100.000đ, thu tổng số tiền phé chơi cá cược là 3.000.000đ. Ngoài ra Nguyễn Hữu A còn dùng số tiền 1.000.000 đồng tiền thu phé để trực tiếp tham gia cá cược. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 13/10/2021 tại nhà của Nguyễn Văn S thuộc tổ 8 (Nay là tổ 2), thị trấn B đối với Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu A, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Việt Th5, Đinh Thị Th4 về hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền cùng vật chứng thu giữ là 78.600.000 đồng và một số vật dụng có liên quan để phục vụ cho việc đánh bạc như bát, đĩa sứ, kéo. Trong đó thu giữ của các bị cáo 23.100.000 đồng khai nhận là tiền để đánh bạc; 55.500.000đ thu giữ của H1, Th4 và Th5 không liên quan đến hành vi đánh bạc, cơ quan Công an đã trả lại cho Th4, Th5 và H1.

- Kết luận giám định số 1765 ngày 16/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận toàn bộ số tiền thu giữ trong vụ án là tiền thật.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau về thời gian, diễn biến hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản đối chất, nhận dạng của các bị cáo và các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Lời khai của những người không tham gia đánh bạc là Nguyễn Việt Th5, Nguyễn Xuân H1, Đinh Thị Th4 phù hợp với lời khai của các bị cáo về diễn biến trước trong và sau khi đánh bạc, phù hợp với tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu A phạm tội Tổ chức đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu A, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 đã phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

### [3] Về khung hình phạt áp dụng:

- Bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu A là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội đã vi phạm tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự: *“Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a, Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 2 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.*

*b, Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 2 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.*

*c, Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”.*

- Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với tổng giá trị tiền đánh bạc là 23.100.000 đồng, đã vi phạm tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*”

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý Nhà nước về trật tự công cộng, gây mất an ninh xã hội. Tuy số tiền dùng để đánh bạc không lớn nhưng số lượng người tham gia đánh bạc nhiều gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để cải tạo và giáo dục, đồng thời đảm bảo tính dân đề và phòng ngừa chung.

[5] Phân hóa vai trò phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Hữu A và Nguyễn Văn S đã cùng bàn bạc, thỏa thuận lấy địa điểm là nhà của S đã thuê để tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và sẽ thu tiền đối với mỗi người tham gia đánh bạc; Bị cáo A là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc, chuẩn bị các công cụ, phương tiện để đánh bạc, bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc và thu tiền phé của những người tham gia đánh bạc khác; Bị cáo S không tham gia đánh bạc nhưng bị cáo bố trí địa điểm, lắp đặt hệ thống camera, theo dõi, quản lý hệ thống camera tạo điều kiện cho các bị cáo khác đánh bạc. Như vậy, bị cáo A và bị cáo S có vai trò ngang nhau trong đồng phạm về tội Tổ chức đánh bạc.

Các bị cáo Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Nguyễn Đình C, Lê Thị Th, Chu Trung K, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 cùng nhau tham gia đánh bạc với vai trò là người thực hành cùng với bị cáo Nguyễn Hữu A trong đồng phạm về tội Đánh bạc.

Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự, khi lượng hình cần căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1 cùng bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã kết án về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới thuộc trường hợp "Tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

*Tình tiết giảm nhẹ:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Thái D, Chu Trung K phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Đình Th1, Lê Thị Th, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H đều có thân nhân là người có công với cách mạng; gia đình bố mẹ bị cáo Nguyễn Đình C được tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ngập lòng hồ Thủy điện Sơn La là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội tuy nhiên tính chất đồng phạm giản đơn; hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng để đánh bạc không lớn, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị mức phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ, sát đúng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét đề nghị cho hưởng án treo của các bị cáo:

Đối với các bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1 đều đã bị xét xử về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm nên theo quy định của pháp luật thì bị cáo L2 và Hương không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Đối với bị cáo Hà Ngọc L đã 02 lần bị xét xử về tội Đánh bạc và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc chưa được xóa tiền sự nên theo quy định của pháp luật thì bị cáo Lê không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Lê Thị Th, Vũ Thị H đã nhiều lần bị xét xử về tội Đánh

bạc mặc dù đã được xóa án tích nhưng nay lại phạm tội Đánh bạc như vậy các bị cáo không tu dưỡng bản thân hướng Th1. Xét thấy, các bị cáo không có khả năng tự cải tạo - Do vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu A do bị xét xử trong cùng 01 lần về 02 tội trong đó tội Tổ chức đánh bạc là tội phạm nghiêm trọng nên theo quy định của pháp luật thì bị cáo không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo: Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thái D, Trần Đình Th1, Nguyễn Đình C, Chu Thế Anh T3, Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Chu Trung K, Đỗ Văn T2, Lê Văn Th2, Ngô Xuân Tr đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: các bị cáo Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Thái D, Chu Trung K lần đầu phạm tội. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thái D, Trần Đình Th1, Nguyễn Đình C, Chu Thế Anh T3 mặc dù đã 01 lần bị xét xử hoặc bị xử phạt hành chính nhưng án tích và xử phạt hành chính đó đều đã được xóa, đến nay đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên theo quy định của pháp luật hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Xét việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; Do vậy, mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo và công tác phòng, chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung - phạt tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 và Khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự. Nhưng kết quả điều tra, xác minh tình trạng tài sản và thu nhập của các bị cáo không có tiền, tài sản giá trị, gia đình các bị cáo có hoàn C khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Thanh Chí, sinh năm 1972 trú tại Tổ 3, thị trấn B là chủ sở hữu ngôi nhà cho Nguyễn Văn S thuê mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc, quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Thanh Chí không biết việc Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu A để các bị cáo khác tham gia đánh bạc tại ngôi nhà nên không có căn cứ xác định trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Thanh Chí.

- Đối với Nguyễn Việt Th5, Nguyễn Xuân H1, Đinh Thị Th4 mặc dù có mặt tại nơi xảy ra đánh bạc, ban đầu có một số lời khai của Vũ Thị H và Ngô Xuân Tr xác định Nguyễn Xuân H1 tham gia đánh bạc nhưng quá trình điều tra các bị cáo đều khẳng định H1, T4, T4 không tham gia đánh bạc, các bị cáo Vũ Thị H, Ngô Xuân Tr cũng khẳng định lại Nguyễn Xuân H1 không tham gia đánh bạc nên không đủ căn cứ chứng minh Hùng, Thơm, Thắng phạm tội.

[10] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 23.100.000 đồng thu giữ trong vụ án, xét là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng gồm chiếc bát sứ, đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, 01 chiếc bấm cắt giấy màu cam, 01 tờ giấy kích thước 25 x 40cm in bảng vị, 02 tờ giấy khổ A4 ghi các số bằng mực màu xanh, 01 chiếc bút bi mực màu xanh xét thấy là công cụ các bị cáo sử dụng phục vụ hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Hữu A, 01 chiếc điện thoại Iphone xs Max vỏ màu vàng thu giữ của Hà Ngọc L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu vàng hồng thu giữ của Trần Hữu T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen thu giữ của Vũ Thị H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Hữu T1, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu đen thu giữ của Ngô Xuân Tr, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11 vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Đình C, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S màu xanh thu giữ của Chu Trung K, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme vỏ màu xanh thu giữ của Trần Đình Th1, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu xanh đen thu giữ của Đỗ Văn T2, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S thu giữ của Vương Quốc L2, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng thu giữ của Nguyễn Thái D, 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HK.VISION màu đen đã qua sử dụng và 01 case máy tính nhãn hiệu Goldencom màu đen thu giữ của Nguyễn Văn S.

Là phương tiện các bị cáo sử dụng phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 Pro Max vỏ màu xanh và 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn S, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 210 vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Hữu A, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 vỏ màu đen thu giữ của Lê Văn Th2, 01 chiếc điện thoại Iphone vỏ màu vàng hồng thu giữ của Hà Ngọc L, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu hồng đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 9 vỏ màu xanh thu giữ của Chu Thế Anh T3, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone plus màu vàng thu giữ của Trần Thị H1 - xét không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình C, Trần Đình Th1, Đỗ Văn T2 là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Văn S, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Lê Thị Th, Chu Trung K, Lê Văn Th2, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

Khoản 1, Điều 321, điểm a, c, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu A.

Điểm b, c, khoản 1 Điều 322, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1.

Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Th.

Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị H, Hà Ngọc L.

Khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Đỗ Văn T2, Nguyễn Thái D, Chu Trung K, Lê Văn Th2.

Khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đình Th1, Chu Thế Anh T3.

Khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình C.

### **1. Về tội danh - tuyên bố:**

Bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc;

Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Tổ chức đánh bạc;

Các bị cáo Vương Quốc L2, Trần Thị H1, Lê Thị Th, Vũ Thị H, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Ngô Xuân Tr, Đỗ Văn T2, Nguyễn Thái D, Chu Trung K, Lê Văn Th2, Trần Đình Th1, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình C phạm tội Đánh bạc.

### **2. Về hình phạt:**

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 12 (Mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải chấp hành là 18 (Mười tám) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 17/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022)

2.3. Xử phạt bị cáo Vương Quốc L2 06 (Sáu) tháng tù, khấu trừ thời gian

tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 06 (Sáu) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Thị Th 06 (Sáu) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.6. Xử phạt bị cáo Vũ Thị H 06 (Sáu) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.7. Xử phạt bị cáo Hà Ngọc L 06 (Sáu) tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 08/11/2021; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

2.8. Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022)

2.9. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.10. Xử phạt bị cáo Ngô Xuân Tr 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.11. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái D 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.13. Xử phạt bị cáo Chu Trung K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.14. Xử phạt bị cáo Lê Văn Th2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.15. Xử phạt bị cáo Trần Đình Th1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.16. Xử phạt bị cáo Chu Thế Anh T3 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

(Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.17. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

2.18. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2022).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo.

**3. Giao các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Hữu T, Nguyễn Văn H, Chu Trung K, Lê Văn Th2, Nguyễn Thái D cho Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.**

- Giao các bị cáo Nguyễn Đình C, Trần Đình Th1 cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Ngô Xuân Tr cho Ủy ban nhân dân xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Đỗ Văn T2, Nguyễn Hữu T1 cho Ủy ban nhân dân xã Mùòng Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Chu Thế Anh T3 cho Ủy ban nhân dân xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

*“Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.*

**4. Về vật chứng vụ án:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 04 (bốn) quân vị hình tròn, đường kính 02cm, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, đã qua sử dụng. Thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc.

+ 02 (hai) tờ giấy khổ A4 một mặt có ghi các số bằng mực màu xanh, đã qua sử dụng. Thu giữ trên chiếu bạc.

+ 01 (một) chiếc bút bi mực màu xanh, đã qua sử dụng. Thu giữ trên chiếu bạc.

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, đường kính lớn nhất 18cm, phần đáy



đĩa có in chữ "DUNG NHAT" màu xanh, đã qua sử dụng. Thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc.

+ 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, đường kính miệng bát 12cm, phần đáy đĩa có in chữ "DUNG NHAT" màu xanh, đã qua sử dụng bị nứt vỡ. Thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc.

+ 01 (một) chiếc bấm cắt giấy màu cam làm bằng kim loại, nhựa, đường kính khuôn cắt hình tròn 02cm, đã qua sử dụng. Thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc.

+ 01 (một) tờ giấy kích thước 25 x 40 (cm), một mặt có in nhiều hình tròn màu sắc khác nhau (Bảng vị), đã qua sử dụng. Thu giữ trên chiếu bạc.

- *Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 23.100.000 đồng, trong đó:*

+ 2.300.000 đồng thu trên chiếu bạc, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081280 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 2.000.000 đồng thu trong hòm sắt, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thu trong hòm sắt”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081276 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 5.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Đình C, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Đình C”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081273 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 2.500.000 đồng thu giữ của Ngô Xuân Tr, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Ngô Xuân Tr”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081278 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 5.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Hữu T1, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ:

“Phong bì niêm phong, số tiền: 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Hữu T1”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081275 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 800.000 đồng thu giữ của Trần Đình Th1, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Phong bì niêm phong, số tiền: 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trần Đình Th1”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081269 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh

+ 300.000 đồng thu giữ của Trần Thị H1, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Phong bì niêm phong, số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trần Thị H1”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081274 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 1.300.000 đồng thu giữ của Hà Ngọc L, đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Phong bì niêm phong, số tiền: 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) tạm giữ của Hà Ngọc L”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081279 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

+ 3.100.000 đồng thu giữ của Vương Quốc L2, được đựng trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, một mặt có dòng chữ: “Phong bì niêm phong, số tiền: 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng) tạm giữ của Vương Quốc L2”. Tại mép giáp lai được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có dòng chữ: Công an tỉnh Sơn La - Giấy niêm phong, số 081277 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La, cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Phan Tiến Nhật, Lò Văn Thanh.

- *Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) Đầu thu camera nhãn hiệu “HIKVISION”, đã qua sử dụng. Do Nguyễn Văn S giao nộp. (Tại thời điểm giao nhận hai bên không kiểm tra máy móc thiết bị bên trong của đầu thu, hai bên giao nhận dán giấy niêm phong vị trí mép nguồn của đầu thu trên giấy niêm phong có 06 hình dấu đỏ của Cục THADS tỉnh Sơn La, cùng chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, của Nguyễn Thị Nga, Lò Thị Liên, Vũ Giang Hương, Lê Trần Hoàng, Nguyễn Văn Bắc).

+ 01 (một) Case máy tính nhãn hiệu “Goldencom” do Nguyễn Văn S giao nộp. (Tại thời điểm giao nhận hai bên không kiểm tra máy móc thiết bị bên trong của case máy tính hai bên giao nhận dán giấy niêm phong vị trí mép nguồn của case máy tính, trên giấy niêm phong có 06 hình dấu đỏ của Cục THADS tỉnh Sơn La, cùng chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, của Nguyễn Thị Nga, Lò Thị Liên, Vũ Giang Hương, Lê Trần Hoàng, Nguyễn Văn Bắc).

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen, (điện thoại cảm ứng) có 02 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng. Do Trần Đình Th1 giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh (điện thoại bàn phím), bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao là 0982323990, số IMEI là 3557741097044644, đã qua sử dụng. Do Nguyễn Hữu A giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo vỏ màu xanh đen, (điện thoại cảm ứng), đã qua sử dụng. Do Vũ Thị H giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 vỏ màu xanh đen, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng. Do Đỗ Văn T2 giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus vỏ màu xám, (điện thoại cảm ứng). Có 01 sim trong điện thoại, điện thoại đã qua sử dụng. Do Vương Quốc L2 giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11 vỏ màu xanh (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại do Nguyễn Đình C giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y3S vỏ màu xanh, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại do Chu Trung K giao nộp.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX vỏ màu vàng, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại, mặt sau điện thoại có nhiều vết nứt vỡ, đã qua sử dụng do Hà Ngọc L giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7 (2017) màu vàng, (điện thoại cảm ứng), đã qua sử dụng, có 02 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, do Nguyễn Thái D giao nộp.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen (điện thoại cảm ứng), có 02 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, do Ngô Xuân Tr giao nộp.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 vỏ màu đen, (điện thoại bàn phím) số IMEI 1: 351639341718252 và số IMEI 2: 351639343718250, bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao là 0974076966 và 0966138000, điện thoại đã qua sử dụng. Do Nguyễn Văn H giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s Plus vỏ màu vàng, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại, điện thoại có vết nứt mặt

trước của điện thoại, đã qua sử dụng, do Trần Hữu T giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE xs MAX màu đen (điện thoại cảm ứng), đã qua sử dụng, trong điện thoại có lắp 01 sim có số do Nguyễn Hữu T1 giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S:*

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX vỏ màu đen, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại do Nguyễn Văn S giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX vỏ màu xanh, (điện thoại cảm ứng), có 02 sim trong điện thoại, mặt kính phía trước bị vỡ, đã qua sử dụng, do Nguyễn Văn S giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu A:* 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, (điện thoại bàn phím) bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao là 0968484226 và 0839027384, số IMEI 1: 352879109402256 và số IMEI 2: 352879109842253, điện thoại đã qua sử dụng. Do Nguyễn Hữu A giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Hà Ngọc L:* 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus vỏ màu vàng hồng, (điện thoại cảm ứng), có 01 sim trong điện thoại, do Hà Ngọc L giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Lê Văn Th2:* 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu đen, (điện thoại cảm ứng) có 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng. Do Lê Văn Th2 giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Chu Thế Anh T3:*

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 vỏ màu hồng, mặt ngoài vỏ in IC:579C-E3085A, (điện thoại cảm ứng) có 01 sim điện thoại do Chu Thế Anh T3 giao nộp.

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG NOTE 9 vỏ màu xanh, (điện thoại cảm ứng); có 01 sim điện thoại, đã qua sử dụng. Do Chu Thế Anh T3 giao nộp.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Thị H1:* 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE xs MAX màu trắng (điện thoại cảm ứng), đã qua sử dụng. Do Trần Thị H1 giao nộp.

**5. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình C, Trần Đình Th1 Đỗ Văn T2.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Văn S, Hà Ngọc L, Trần Hữu T, Vũ Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn H, Ngô Xuân Tr, Lê Thị Th, Chu Trung K, Vương Quốc L2, Chu Thế Anh T3, Nguyễn Thái D, Trần Thị H1, Lê Văn Th2

mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng C sát hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quản Hữu Chiến**